

Bản án số: 247/2021/HNGĐ
Ngày 21/12/2021
Về việc tranh chấp xin ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Càn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Luyết

Ông Tạ Ngọc Cư

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân quận T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 25/2021/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐ - ST ngày 25/11/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Sinh Hùng, sinh năm 1967

Hộ khẩu thường trú + cư trú: Tổ 26, cụm 2, Quảng Bá, phường Quảng An, quận T, Thành phố H(Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1970

Hộ khẩu thường trú + cư trú: Số 16 ngách 12A, ngõ 23, đường Xuân La, Tổ 11, cụm 2, phường Xuân La, quận T, Thành phố H(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện ngày 12/01/2021 và các lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là Lê Sinh H trình bày:**

Anh và chị Lê Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tuấn Chính, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 16/12/1989. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không hòa hợp thường xuyên cãi vã. Hai bên gia đình đã biết, tìm cách cải thiện quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019, anh H đã thuê nhà khác để ở, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị T nên đề nghị Tòa án xử cho ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh H xác định có 02 con chung là:

1. Lê Sinh T, sinh ngày 03/8/1991

2. Lê Thị Thanh H, sinh ngày 21/9/2001

Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, nhà đất, công nợ: anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn là bà Lê Thị T trình bày:**

- Về tình cảm: Về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như anh H trình bày là đúng.

Trước năm 2019 vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, cho đến tháng 12 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. anh H cho rằng không hợp với tôi nên dần dần xa cách vợ con, tôi không biết vợ chồng tôi mâu thuẫn như thế nào. Tuy nhiên, từ năm 2019 đến nay anh H đã tự ý thuê nhà riêng để ở, cuộc sống chung vợ chồng chấm dứt từ thời điểm đó. Chị đã gặp anh H để tìm cách tháo gỡ nhưng không có kết quả, chị cũng nhờ hai bên gia đình tác động nhưng anh H không thay đổi, anh H vẫn không về nhà mà tiếp tục ở bên ngoài từ đó đến nay. Nay anh H xin ly hôn, chị không đồng ý vì chị vẫn còn tình cảm với anh H, đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ.

- Về con chung: Chị xác nhận, anh chị có 02 con chung như anh H trình bày là đúng. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, nhà đất, công nợ:

Chị xác định tài sản chung vợ chồng gồm:

+ Thửa đất thứ nhất: Số 91-1; tờ bản đồ số 20, diện tích 50m², địa chỉ tổ 11, cụm 2, phường Xuân La, quận T, Thành phố Hà Nội. Trên thửa đất có 01 ngôi nhà 05 tầng, được xây vào khoảng năm 2005.

+ Thửa đất thứ hai: Số 657, tờ bản đồ số 13, diện tích 450m² ở Thôn Trung, xã Tuân Chính, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Trên thửa đất có một ngôi nhà 03 tầng được xây dựng vào năm 2015. Nhưng do anh H cất giữ toàn bộ giấy tờ nên chị không cung cấp được cho Tòa án.

+ Chung cư Lạc Hồng quận T, diện tích 85m² đã bán năm 2018 với số tiền là 1.900.000 đồng, anh H hiện đang quản lý số tiền này.

Về công nợ: không có

Ngày 27/5/2021, chị T đề nghị Tòa án thụ lý chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Ngày 25/10/2021, Tòa án đã có thông báo sửa đổi bổ sung đơn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng.

Ngày 11/11/2021, chị T không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, nhưng chị xác định hai nhà đất trên là của vợ chồng chị, anh H không có quyền đuổi chị ra khỏi nhà. Về tiền bán nhà từ vợ chồng chị sẽ giải quyết cho đúng, nếu có tranh chấp chị sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như trên, không có yêu cầu gì khác.

Đại diện VKS tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và nội dung giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thụ lý và trình tự đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Anh chị kết hôn là tự nguyện. Mâu thuẫn phát sinh là do bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của anh H đối với chị T .

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là :

1. Lê Sinh T , sinh ngày 03/8/1991

2. Lê Thị T Hiền, sinh ngày 21/9/2001

Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, nhà đất, công nợ: anh Hùng, chị T không yêu cầu nên không xem xét. Giành quyền chia tài sản chung vợ chồng đối với anh Hùng, chị T bằng một vụ án khác nếu có đầy đủ chứng cứ và có yêu cầu.

- Về án phí: anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị T hiện đang cư trú tại số 16, ngách 12A, ngõ 23 đường Xuân La, quận T, Thành phố Hà Nội. anh H có đơn xin ly hôn với anh chị T căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung: Anh Lê Sinh H và chị Lê Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có qua tìm hiểu cưới hỏi và có đăng ký hôn tại UBND xã Tuấn Chính, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 16/12/1989, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không hòa hợp. Mặc dù, hai bên gia đình đã khuyên ngăn nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện, anh H vẫn tiếp tục thuê nhà riêng để ở, đời sống chung vợ chồng chấm dứt từ năm 2019 đến nay. Do đó, vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn mặn nồng. Theo quy luật và sự phát triển bình thường thì những gia đình có cuộc sống hạnh phúc đầm ấm là vợ chồng phải biết quan tâm, thương yêu quý trọng, chăm sóc giúp đỡ, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng tiến bộ hạnh phúc và bền vững. Như vậy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Hùng, chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H và chị T là phù hợp với pháp luật và thực tế.

- Về con chung: anh, chị xác định có 02 con chung là:

1. Lê Sinh T , sinh ngày 03/8/1991

2. Lê Thị Thanh H, sinh ngày 21/9/2001

Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về tài sản và công nợ chung:

Anh H không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ

hôn nhân.

Chị T xác định tài sản chung vợ chồng gồm:

+ Thửa đất thứ nhất: Số 91-1; tờ bản đồ số 20, diện tích 50m², địa chỉ tổ 11, cụm 2, phường Xuân La, quận T, Thành phố Hà Nội. Trên thửa đất có 01 ngôi nhà 05 tầng, được xây vào khoảng năm 2005.

+ Thửa đất thứ hai: Số 657, tờ bản đồ số 13, diện tích 450m² ở Thôn Trung, xã Tuân Chính, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Trên thửa đất có một ngôi nhà 03 tầng được xây dựng vào năm 2015.

+ Chung cư Lạc Hồng quận T, diện tích 85m² đã bán năm 2018 với số tiền là 1.900.000đồng, anh H hiện đang quản lý số tiền này.

Ngày 27/5/2021, chị T đề nghị Tòa án thụ lý chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo quy định.

Ngày 25/10/2021, Tòa án đã có thông báo sửa đổi bổ sung đơn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng.

Tuy nhiên ngày 11/11/2021, chị T nộp đơn đề nghị không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, nhưng chị xác định hai nhà đất trên là của vợ chồng chị, anh H không có quyền đuổi chị ra khỏi nhà. Về tiền bán nhà tự vợ chồng chị sẽ giải quyết cho đúng, nếu có tranh chấp chị sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Do đó, HĐXX giành quyền yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân đối với anh Hùng, chị T bằng một vụ án khác nếu có đầy đủ tài liệu chứng minh và có yêu cầu khởi kiện.

Về công nợ: anh, chị xác nhận không có công nợ chung nên không xem xét.

Đối với số tiền vay nợ riêng của anh Hùng:

Anh H, chị T đều xác nhận khoản nợ anh H vay nợ Ngân hàng BIDV để mua xe ô tô là nợ riêng của anh Hùng, chị T không có trách nhiệm phải trả.

Mặt khác, ngày 23/3/2021, Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh T đã xác định số nợ tính đến ngày 23/03/2021 là 675.000.000đồng. Theo đề nghị của anh H và sự thống nhất của BIDV với anh Hùng: Anh H tự nguyện trả toàn bộ khoản vay đối với Ngân hàng, đồng thời BIDV có toàn quyền xử lý tài sản đảm bảo là chiếc xe ô tô Toyota Camry 2.5 mang biển số 30E- 898.90 trong T hợp anh H vi phạm Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Do đó, HĐXX xác định đây là khoản nợ riêng của anh Hùng, các bên đương sự không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

-Về án phí: Anh H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Sinh H đối với chị Lê Thị T. Anh H được ly hôn với chị T.

2. Về con chung:

- Về con chung: anh, chị xác định có 02 con chung là:

1. Lê Sinh T, sinh ngày 03/8/1991

2. Lê Thị Thanh H, sinh ngày 21/9/2001

Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

3. Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Anh Hùng, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Giành quyền yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân đối với anh Hùng, chị T bằng một vụ án khác nếu có đầy đủ tài liệu chứng minh và có yêu cầu khởi kiện.

4. Về án phí: Anh Lê Sinh H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 004326 ngày 20/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T.

Anh Hùng, chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND quận T
- Thi hành án quận T
- Đường sự
- Lưu HS

Đào Đức Cần